

Số: 102/2005/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Quyết định số 532/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 1996 - 2010”;
- Căn cứ Quyết định số 123/1998/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010”;
- Căn cứ Chỉ thị số 32/1998/CT-TTg ngày 23 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về “Công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ đến năm 2010”;
- Theo Quyết định số 1946/QĐ-UB-KT ngày 05 tháng 4 năm 1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức triển khai đề án “Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội ngày 23 tháng 9 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ”;
- Theo Quyết định số 6993/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố về “Phê duyệt quy hoạch chung quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020”;
- Xét đề nghị của Viện Kinh tế thành phố tại Công văn số 03/VKTHQH ngày 01 tháng 02 năm 2005 và của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp tại Công văn số 56/CV-UB ngày 01 tháng 02 năm 2005,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 với những nội dung định hướng chính sau:

1 - Vị trí, chức năng

Quận Gò Vấp là một quận nội thành nằm ở phía Bắc thành phố. Trong tương lai quận Gò Vấp phát triển theo hướng mở, tăng cường hợp tác với các địa phương trong và ngoài thành phố.

Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành kinh tế trên địa bàn quận đến năm 2010 là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, sau năm 2010 sẽ dịch chuyển theo hướng dịch vụ - công nghiệp và sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp sẽ chiếm tỷ trọng rất thấp trên địa bàn quận.

2 - Mục tiêu phát triển chung

Đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giữ tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả và bền vững; thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ và công nghiệp. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đặc biệt là hệ thống giao thông, cấp - thoát nước; hệ thống giáo dục, y tế.

Phát triển kinh tế - xã hội toàn diện theo kế hoạch và các chương trình đầu tư trọng điểm, để phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

3 - Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu

3.1 - Dân số và lao động

3.1.1 - Giai đoạn 2006 - 2010: Kiểm soát tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1,1%/năm, tỷ lệ tăng cơ học ở mức 4,4%/năm. Giai đoạn 2010 - 2020, kiểm soát tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 1%/năm và tỷ lệ tăng cơ học ở mức 0,8%/năm.

3.1.2 - Giảm tỷ lệ lao động chưa có việc làm từ 7,29% năm 2003 xuống còn 7,15% năm 2010, tăng tỷ lệ lao động đang làm việc trong độ tuổi lên 71,17%.

3.2 - Phát triển kinh tế

3.2.1 - Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2006 - 2010:

Các ngành dịch vụ tăng bình quân 34,8%/năm; công nghiệp và xây dựng tăng bình quân 16,5%/năm (trong đó, công nghiệp chế biến tăng 15%/năm; xây dựng tăng 22,6%/năm); nông - lâm - ngư nghiệp giảm bình quân 11,17%/năm.

3.2.2 - Cơ cấu các ngành kinh tế năm 2010:

Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng đạt 72,8% (trong đó công nghiệp chiếm 76,5%, xây dựng 23,5%), tỷ trọng các ngành dịch vụ đạt 27,1%, tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp chỉ ở mức 0,1% năm 2010.

3.2.2.1 - Ngành công nghiệp chế biến đến năm 2010:

Phấn đấu tốc độ tăng bình quân giá trị sản xuất đạt 15%/năm. Phát triển công nghiệp theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển. Ưu tiên đầu tư phát triển các ngành tạo ra sản phẩm có hàm lượng công nghệ, kỹ thuật cao hoặc sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại (sản xuất và lắp ráp linh kiện điện tử, máy tính, máy gia dụng, sản xuất phần mềm, lắp ráp ô tô, xe máy và thiết bị điện, công nghệ sinh học, sản xuất vật liệu

mới). Ổn định và chú ý đầu tư chiều sâu phát triển các ngành công nghiệp giày da, may mặc, dệt, chế biến thực phẩm và đồ uống, sản xuất hóa chất, chế biến gỗ, sản phẩm từ cao su và plastic, sản xuất kim loại, sản xuất giấy để tăng giá trị hàng xuất khẩu, tạo lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm. Hạn chế phát triển các ngành thâm dụng lao động, hàm lượng giá trị gia tăng thấp.

Phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường. Kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nặng mà không có khả năng xử lý ô nhiễm vào các khu công nghiệp tập trung hoặc chuyển đổi chức năng hoạt động.

Các ngành công nghiệp chính cần tập trung phát triển gồm:

- + Sản xuất sản phẩm da.
- + Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic.
- + Điện tử, tin học, vật liệu mới và công nghệ sinh học.
- + Sản xuất sản phẩm từ kim loại.
- + Sản xuất trang phục.
- + Sản xuất phương tiện vận tải khác.

3.2.2.2 - Các ngành dịch vụ đến năm 2010:

Phấn đấu tốc độ tăng bình quân doanh thu các ngành dịch vụ đạt 22%/năm.

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng mở rộng giao lưu, tạo điều kiện cho sản xuất - kinh doanh phát triển. Ưu tiên phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị tại các khu dân cư tập trung. Giải tỏa các chợ tự phát; cải tạo, nâng cấp 4 chợ: Gò Vấp, Xóm Mới, An Nhơn và Tân Sơn Nhất; xây mới một số chợ bán lẻ và trung tâm thương mại tổng hợp tại các phường 5, phường 12, phường 13, phường 16 và phường 17.

Xây dựng công viên văn hóa phục vụ khách du lịch với tổng diện tích 37 ha tại phường 17, gồm 7 phân khu chức năng: Khu du lịch, khu biểu diễn nghệ thuật, khu yên tĩnh, khu phục vụ, khu văn hóa - giáo dục, khu thiếu nhi, khu thể thao.

3.3 - Phát triển cơ sở hạ tầng xã hội

3.3.1 - Giáo dục:

3.3.1.1 - Hệ mầm non: Phấn đấu đạt tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi nhà trẻ đạt 40% vào năm 2010 và 70% vào năm 2020. Dự kiến tỷ lệ trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 90% năm 2010 và 95% năm 2020, trong đó trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo đạt 99% vào năm 2010 và 100% vào năm 2020. Dự kiến tỷ lệ học sinh ngoài công lập đạt 65% vào năm 2010.

Đến năm 2010, xây dựng mới 22 trường với 427 phòng. Đến năm 2020, xây dựng mới 18 trường với 356 phòng. Phấn đấu đạt 25 cháu/lớp mầm non; 20 lớp/trường vào năm 2010.

3.3.1.2 - Hệ phổ thông:

+ Cấp tiểu học: Phân đầu phổ cập tiểu học đúng độ tuổi với tỷ lệ 100% học sinh 6 tuổi vào lớp 1. Đến năm 2010, xây dựng mới 16 trường với 488 phòng. Đến năm 2020, xây dựng mới 10 trường với 288 phòng. Phân đầu đạt 35 học sinh/lớp tiểu học; 30 lớp/trường vào năm 2010.

+ Cấp trung học cơ sở: Tỷ lệ học sinh ngoài công lập đạt 30% vào năm 2010. Đến năm 2010, xây dựng mới 6 trường với 261 phòng. Đến năm 2020, xây dựng mới 7 trường với 294 phòng. Phân đầu 45 học sinh/lớp trung học cơ sở; 45 lớp/trường vào năm 2010.

+ Cấp trung học phổ thông: Tỷ lệ học sinh ngoài công lập đạt 50% vào năm 2010. Đến năm 2010, xây dựng mới 3 trường với 132 phòng. Đến năm 2020, xây dựng mới 3 trường với 116 phòng. Phân đầu đạt 45 học sinh/lớp trung học phổ thông; 45 lớp/trường vào năm 2010.

3.3.2 - Y tế:

Đến năm 2010, hoàn thành việc cải tạo, nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa trang thiết bị trung tâm y tế quận; xây dựng trạm y tế đạt chuẩn quốc gia ở các phường 5, phường 10, phường 12 và xây dựng các phòng khám khu vực; sửa chữa, nâng cấp trạm y tế ở các phường 3, phường 11, phường 16. Phân đầu đạt 1,6 bác sĩ/10.000 dân vào năm 2010.

Thực hiện tốt các chương trình phòng chống bệnh như chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em và kế hoạch hóa gia đình; chương trình phòng chống AIDS; chương trình 100% người dân sử dụng muối I - ốt. Bảo đảm 100% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 6 loại vacxin; 100% trẻ em dưới 5 tuổi uống vaccin phòng bại liệt. Thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe trẻ em nhằm giảm tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 1 tuổi và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi.

3.3.3 - Văn hóa, thể thao:

3.3.3.1 - Văn hóa:

Đến năm 2010, xây dựng mới 4 nhà văn hóa cụm liên phường; có 90% khu phố đạt khu phố văn hóa; 95% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 100% cơ quan, đơn vị, trường học đóng trên địa bàn quận đạt tiêu chuẩn công sở văn minh, sạch đẹp, an toàn.

3.3.3.2 - Thể thao:

Phát triển rộng khắp phong trào thể dục - thể thao. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên thể dục - thể thao để đáp ứng nhu cầu phát triển các loại hình thể dục - thể thao trong quận.

Năm 2005 xây dựng mới 1 trung tâm thể dục - thể thao quận quy mô 70.000m². Đến năm 2010 xây dựng mới nhà thi đấu Đạt Đức quy mô 10.000m² và công viên ở phường 7 quy mô 30.000m².

3.4 - Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật

3.4.1 - Giao thông:

Diện tích dành cho hạ tầng giao thông (bao gồm đường và bến bãi), đạt tối thiểu 18 - 20% diện tích đất chung toàn quận; nâng chỉ tiêu tỷ lệ giao thông công cộng, trong đó chủ yếu là phương tiện xe buýt; xây dựng một số nút giao thông chính dọc theo tuyến đường Nguyễn Kiệm - Nguyễn Oanh.

Đến năm 2010, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường chính hiện hữu bao gồm các đường Quang Trung, Nguyễn Kiệm, Nguyễn Văn Lượng, Phan Văn Trị, 26 Tháng 3, Thống Nhất, Lê Quang Định và hương lộ 11.

Xây dựng mới các tuyến đường chính dự phòng, bao gồm các đường vành đai trong, 26 tháng 3B, vành đai Sân bay Tân Sơn Nhất nối dài, Nguyễn Văn Lượng nối dài, ven rạch Bến Cát - Vàm Thuật. Mở rộng các nút giao thông tại các ngã 6 Nguyễn Kiệm - Nguyễn Thái Sơn - Vành đai trong, ngã 6 Nguyễn Kiệm - Quang Trung - Nguyễn Oanh và ngã 5 Nguyễn Oanh - Nguyễn Văn Lượng - Lê Hoàng Phái.

3.4.2 - Cấp nước:

Phân đầu đạt 90% dân số của quận được cấp nước sạch vào năm 2010 và 100% vào năm 2020. Dự kiến nhu cầu dùng nước cho toàn quận đến năm 2010 là 75.780 m³/ngày đêm và đến năm 2020 khoảng 92.250m³/ngày đêm. Nguồn nước cung cấp cho quận bao gồm 2 nguồn chính:

3.4.2.1 - Nước máy: Nhà máy nước Thủ Đức cung cấp trữ lượng nước khoảng 25.000 m³; phục vụ cho 30% số hộ của quận. Nguồn nước mặt sông Sài Gòn được xử lý tại nhà máy nước Tân Hiệp cung cấp trữ lượng nước khoảng 20.000 m³ và đáp ứng cho 20% số hộ sử dụng.

3.4.2.2 - Nước ngầm: Nhà máy nước ngầm Gò Vấp, công suất 30.000m³/ngày, cung cấp cho 30% hộ dân và cụm giếng Sài Gòn - Phú Nhuận, công suất 17.000m³/ngày, cung cấp cho khoảng 20% hộ dân.

3.4.3 - Thoát nước và vệ sinh đô thị:

Tách riêng 2 hệ thống: Thoát nước thải và thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước thải của quận từ nay đến năm 2010 được quy hoạch theo hướng xây dựng trạm xử lý nước thải tại phường 13, đợt đầu sẽ phục vụ cho khu công nghiệp phường 12, với công suất trạm là 35.500m³/ngày; xây dựng tuyến cống thu nước thải đoạn từ ranh giới giữa quận Tân Bình và quận Gò Vấp đến trạm xử lý nước thải tại phường 13; xây dựng miệng ngăn tràn tại miệng xả cống thoát nước chung trên đường Quang Trung; xây dựng thêm một số tuyến cống nhánh thoát nước thải.

3.4.4 - Cấp điện:

Phát triển theo hướng hiện đại hóa, xây dựng các trạm cấp điện, trạm biến thế, cải tạo mạng lưới hạ thế đảm bảo an toàn, mỹ quan phù hợp với kiến trúc đô thị và giao thông trên địa bàn. Trang bị lưới điện trung, hạ thế trên địa bàn toàn quận bằng nguồn vốn thành phố; bằng nguồn vốn của quận tăng cường cải tạo nâng cấp những lưới điện chưa đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm giảm thiểu sự cố,

tạo sự an toàn trong sản xuất và tiêu dùng dân cư, đảm bảo cung cấp đủ điện cho tất cả các khu vực dân cư.

Đến năm 2010, xây dựng mới 5 lộ ra - trạm Gò Vấp 1; xây dựng mới trạm biến áp phân phối; phát triển 40 trạm/12.000 KVA, xây dựng mới 5 km dây trung thế nổi và 12 km dây hạ thế nổi; lắp đặt các thiết bị trung thế; xây mới trạm trung gian Gò Vấp 2 (2x63 MVA); xây dựng mới 5 trạm ngắt: Cầu Công, Lạng Sơn, An Nhơn, Ủy Ban, Bến Cát; cải tạo trạm ngắt Di Ngụy.

3.4.5 - Nhà ở:

Khu vực các phường 1, 3, 4, 5, 7, 8, 12, 13, 14, 17 và 18 không bị khống chế về độ cao, nên sẽ phát triển mạnh theo hướng đô thị cao tầng (độ cao có thể lên đến 45 m); đây là cửa ngõ của Gò Vấp đi về phía quận 12, nên việc bố trí dân cư sẽ kết hợp với hướng phát triển thương mại - dịch vụ. Tập trung chỉnh trang theo quy hoạch nhà ở 6 tầng trở lên, xen lẫn là những khu công viên cây xanh để hình thành khu du lịch tại vùng ven sông Bến Cát. Tập trung công tác chỉnh trang đô thị tại các phường 10, 11, 15, 16; khu này chỉ được phép xây dựng với độ cao dưới 15 m do bị khống chế độ cao của sân bay Tân Sơn Nhất. Dự kiến diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đạt tối thiểu là 15 - 18m²/người; diện tích sàn nhà ở đến năm 2010 khoảng 10.000.000m², đến năm 2020 khoảng 12.000.000m².

3.4.6 - Công viên và cây xanh:

Khu cây xanh tập trung của quận được hình thành dọc theo sông Bến Cát, Vàm Thuật với quy mô từ 100 đến 110 ha. Tại đây sẽ hình thành các công trình phục vụ văn hóa, du lịch, nghỉ ngơi cho nhân dân trong và ngoài quận.

Ngoài khu vực cây xanh ven sông nêu trên, quận còn có nghề trồng cây, hoa kiểng cổ truyền; khu làng hoa với quy mô 2 ha sẽ góp phần quan trọng vào việc phát triển ngành du lịch trên địa bàn quận.

3.4.7 - Bảo vệ môi trường:

Quận phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của thành phố xây dựng kế hoạch giám sát, quản lý chặt chẽ và có các giải pháp xử lý tốt tất cả các nguồn chất thải từ sản xuất - kinh doanh và sinh hoạt nhằm bảo đảm môi trường sống lành mạnh và bảo vệ sức khỏe của nhân dân; tăng cường giám sát, kiểm soát giao thông đường bộ để giảm ô nhiễm về độ bụi, tiếng ồn, nồng độ các chất độc hại trong không khí; hạn chế tối đa việc thải chất bẩn ra sông rạch.

4 - Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch

Quận cần phối hợp chặt chẽ với các sở - ngành thành phố có liên quan để xây dựng các chính sách và giải pháp cụ thể, nhằm thực hiện thành công các mục tiêu trong đề án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch chung của quận được phê duyệt.

4.1 - Những điểm cần chú ý khi thực hiện quy hoạch:

4.1.1 - Tiến hành xây dựng kế hoạch thực thi thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả trên cơ sở kết hợp cả hai đề án: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội quận đến năm 2010 và quy hoạch chung của quận đến năm 2020.

4.1.2 - Công khai hóa quy hoạch chi tiết đã hoàn tất và đã được phê duyệt bằng cách thông báo rộng rãi cho nhân dân trong quận và các nhà đầu tư biết để thực hiện.

4.1.3 - Xác định hiện trạng nhà cửa, vật kiến trúc tại thời điểm quy hoạch để làm cơ sở đền bù, giải tỏa. Tăng cường việc kiểm tra, quản lý xây dựng trên địa bàn, kiên quyết xử lý các trường hợp xây dựng không phép, không được hình thành các khu nhà lụp xụp trên địa bàn quận.

4.2 - Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp có trách nhiệm phối hợp với các sở - ngành thành phố có liên quan lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố danh mục các chương trình đầu tư, các dự án phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự ưu tiên nhằm thực hiện có hiệu quả quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch chung (mặt bằng xây dựng) của quận đã được phê duyệt và dựa vào danh mục các chương trình, dự án đã được luận chứng theo thứ tự ưu tiên này để lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và từng năm của quận.

Điều 2. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp có kế hoạch kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quy hoạch một cách chặt chẽ. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề không phù hợp, Ủy ban nhân dân quận cần trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét để có quyết định điều chỉnh kịp thời.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Viện trưởng Viện Kinh tế thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- Ủy ban nhân dân TP;
- Ủy ban MTTQ VN TP;
- Các Đoàn thể TP;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban HĐND thành phố;
- VP HĐND-UBND: Các PVP, các Tổ NCTH;
- Lưu (TH/LT) H.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải